

## **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 58/2005/QĐ-BGTVT      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 07 tháng 11 năm 2005*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**

### **BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường phương tiện giao thông đường sắt”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Đình Bình**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường  
phương tiện giao thông đường sắt**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 58/2005/QĐ-BGTVT  
ngày 07 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Văn bản này quy định việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và trong quá trình khai thác trên mạng đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia.

2. Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến thiết kế, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi và khai thác phương tiện giao thông đường sắt.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Phương tiện giao thông đường sắt* (sau đây gọi tắt là phương tiện) là đầu máy, toa xe, toa xe động lực, phương tiện chuyên dùng di chuyển trên đường sắt.

2. *Toa xe động lực* là toa xe có lắp động cơ để tự di chuyển trên đường sắt.

3. *Phương tiện chuyên dùng* là ô tô ray, goòng máy, cần trục, máy chèn đường, máy kiểm tra đường và phương tiện khác có thể di chuyển trên đường sắt.

4. *Tổng thành* là động cơ Diesel, máy phát điện chính, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, van hãm, bộ móc nối đỡ dầm.

5. *Hệ thống* là hệ thống hãm, hệ thống truyền động, hệ thống điện.

6. *Hoán cải* là việc thay đổi tính năng sử dụng của phương tiện hoặc thay đổi cấu tạo và đặc tính kỹ thuật khác với thiết kế ban đầu đối với động cơ Diesel, động cơ điện kéo, giá chuyển hướng, hệ thống hãm, bộ móc nối, đỡ dầm.

7. Sản phẩm là phương tiện hoặc tổng thành, hệ thống.

8. Cơ sở thiết kế là tổ chức có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh ngành nghề thiết kế phương tiện giao thông đường sắt phù hợp với các quy định hiện hành.

9. Cơ sở sản xuất là doanh nghiệp sản xuất, lắp ráp, hoán cải, phục hồi, sửa chữa phương tiện có đủ điều kiện theo quy định hiện hành.

## **Chương II**

### **KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 3. Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**

Căn cứ để kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (sau đây gọi tắt là kiểm tra) bao gồm:

1. Các tiêu chuẩn, quy định, quy trình, quy phạm kỹ thuật hiện hành;
2. Hồ sơ thiết kế hoặc hồ sơ kỹ thuật.

**Điều 4. Loại hình kiểm tra**

1. Kiểm tra sản phẩm nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp;

2. Kiểm tra sản phẩm hoán cải, phục hồi;

3. Kiểm tra định kỳ phương tiện.

### **Điều 5. Hồ sơ thiết kế**

Hồ sơ thiết kế được cơ sở sản xuất hoặc cơ sở thiết kế lập thành 03 bộ gửi tới cơ quan đăng kiểm để thẩm định.

1. Đối với phương tiện sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ kỹ thuật:

- Bản vẽ tổng thể của phương tiện;
- Bản vẽ lắp đặt tổng thành, hệ thống;
- Bản vẽ và thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống sản xuất trong nước;
- Bản thông số kỹ thuật của tổng thành, hệ thống nhập khẩu.

b) Bản thuyết minh, tính toán:

- Thuyết minh đặc tính kỹ thuật cơ bản của phương tiện;
- Tính toán động lực học: tính êm dịu vận hành, tính an toàn chống lật và chống trật bánh;
- Tính toán sức kéo (áp dụng đối với đầu máy, toa xe động lực hoặc phương tiện động lực khác);
- Tính toán kiểm nghiệm sức bền của bộ xe, thân toa xe và giá xe của đầu máy hoặc phương tiện động lực;

- Tính toán kiểm nghiệm hãm.

2. Đối với tổng thành sản xuất, lắp ráp, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ tổng thể của sản phẩm;

b) Bản thuyết minh đặc tính kỹ thuật của sản phẩm.

3. Đối với phương tiện hoán cải, hồ sơ thiết kế gồm có:

a) Bản vẽ tổng thể của phương tiện trước và sau hoán cải;

b) Tài liệu kỹ thuật của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải;

c) Bản thuyết minh, tính toán liên quan đến nội dung hoán cải.

#### **Điều 6. Thẩm định thiết kế**

1. Việc thẩm định hồ sơ thiết kế được thực hiện đối với các sản phẩm trước khi sản xuất, lắp ráp lần đầu hoặc hoán cải.

2. Thẩm định thiết kế là việc xem xét, đối chiếu các nội dung của hồ sơ thiết kế sản phẩm với các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành. Việc thẩm định thiết kế được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp phải kéo dài thời gian thẩm định do yêu cầu bổ sung hồ sơ thiết kế thì cơ quan đăng kiểm thông báo bằng văn bản cho cơ sở thiết kế.

3. Sau khi thẩm định, hồ sơ thiết kế được chuyển tới cơ sở thiết kế, chủ

phương tiện và lưu trữ tại cơ quan đăng kiểm.

#### **Điều 7. Kiểm tra sản phẩm sản xuất, lắp ráp**

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế của sản phẩm đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;

b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng nhận chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để sản xuất, lắp ráp sản phẩm;

c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu sản phẩm của cơ sở sản xuất.

#### **2. Nội dung kiểm tra**

a) Đối với phương tiện: kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

b) Đối với tổng thành: kiểm tra theo tiêu chuẩn hiện hành và đối chiếu các thông số kỹ thuật với hồ sơ thiết kế đã thẩm định.

#### **3. Phương thức kiểm tra**

a) Đối với phương tiện: kiểm tra từng sản phẩm.

b) Đối với tổng thành: kiểm tra 01 sản phẩm bất kỳ của lô sản phẩm.

#### **Điều 8. Kiểm tra phương tiện hoán cải**

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Hồ sơ thiết kế hoán cải phương tiện đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định;

b) Chứng chỉ chất lượng (đối với sản phẩm yêu cầu phải có chứng nhận chất lượng) hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan của tổng thành, hệ thống được sử dụng để hoán cải phương tiện;

c) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.

2. Nội dung kiểm tra gồm xem xét, đánh giá chất lượng phương tiện hoán cải theo quy định, tiêu chuẩn hiện hành và hồ sơ thiết kế hoán cải đã được cơ quan đăng kiểm thẩm định.

3. Phương thức kiểm tra: kiểm tra từng phương tiện.

### **Điều 9. Kiểm tra phương tiện nhập khẩu**

1. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Thỏa thuận kỹ thuật của hợp đồng nhập khẩu;

b) Tài liệu giới thiệu đặc tính kỹ thuật của phương tiện;

c) Chứng chỉ chất lượng xuất xưởng hợp thức của nhà sản xuất hoặc của tổ chức kiểm tra chất lượng có thẩm quyền

của nước ngoài được Đăng kiểm Việt Nam thừa nhận.

2. Nội dung kiểm tra

Kiểm tra theo nội dung quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này

3. Phương thức kiểm tra

Kiểm tra từng phương tiện.

### **Điều 10. Kiểm tra định kỳ đối với phương tiện**

1. Thời điểm kiểm tra

Kiểm tra định kỳ được thực hiện cùng với thời điểm phương tiện đưa vào sửa chữa định kỳ, cụ thể như sau:

a) Đối với đầu máy, toa xe động lực là kỳ sửa chữa cấp đại tu, cấp ky, cấp 2 và cấp 3;

b) Đối với toa xe là kỳ sửa chữa cấp đại tu và cấp niên tu;

c) Đối với phương tiện chuyên dùng được thực hiện theo chu kỳ 12 tháng.

2. Hồ sơ kỹ thuật sử dụng trong quá trình kiểm tra bao gồm:

a) Lý lịch kỹ thuật của phương tiện;

b) Hồ sơ kiểm tra và nghiệm thu phương tiện của cơ sở sản xuất.

3. Nội dung kiểm tra theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.



**Điều 11. Kiểm tra bất thường**

Kiểm tra bất thường được thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi có khiếu nại về chất lượng sản phẩm.

**Điều 12. Cấp và sử dụng giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường**

1. Việc cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường được thực hiện như sau:

a) Sản phẩm được kiểm tra theo quy định tại Điều 4 của Quy định này và hồ sơ thiết kế được thẩm định nếu thỏa mãn các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành thì cơ quan đăng kiểm cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận) theo mẫu tương ứng tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này;

b) Sau khi kết thúc kiểm tra, việc cấp giấy chứng nhận được thực hiện trong phạm vi 01 ngày đối với phương tiện kiểm tra định kỳ, 03 ngày đối với phương tiện nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoàn cải.

2. Việc sử dụng giấy chứng nhận được thực hiện như sau:

a) Giấy chứng nhận tổng thành sản xuất, lắp ráp được cấp cho cơ sở sản xuất để cho phép sử dụng, lắp ráp trên phương tiện.

b) Giấy chứng nhận cấp cho phương tiện được sử dụng để làm thủ tục đăng ký và lưu hành phương tiện.

c) Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nghiêm cấm việc sửa chữa và tẩy xóa giấy chứng nhận đã cấp.

3. Hiệu lực của giấy chứng nhận và việc thu hồi giấy chứng nhận:

a) Giấy chứng nhận của cơ quan đăng kiểm cấp cho phương tiện sẽ tự mất hiệu lực khi phương tiện bị tai nạn.

b) Cơ quan đăng kiểm thực hiện việc thu hồi giấy chứng nhận khi chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện không thực hiện đầy đủ các quy định của tiêu chuẩn, quy định, quy phạm và quy trình kỹ thuật hiện hành trong bảo dưỡng, sửa chữa và khai thác phương tiện.

4. Cơ quan đăng kiểm lưu trữ hồ sơ đăng kiểm trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

**Chương III****TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan đăng kiểm**

Cục Đăng kiểm Việt Nam là cơ quan

quản lý và tổ chức thực hiện việc đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt chịu trách nhiệm:

1. Tuân thủ các quy định của quy trình, quy phạm, quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khi thực hiện việc kiểm tra chất lượng và an toàn kỹ thuật của sản phẩm.

2. Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn nghiệp vụ liên quan đến công tác đăng kiểm theo thẩm quyền.

3. Thực hiện kiểm tra và cấp giấy chứng nhận một cách khách quan, đúng pháp luật. Thủ trưởng cơ quan đăng kiểm và người trực tiếp kiểm tra phải chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

4. Thống nhất quản lý việc phát hành và cấp giấy chứng nhận cho các đối tượng kiểm tra.

5. Thực hiện việc xem xét, đánh giá và ủy quyền cho tổ chức đăng kiểm nước ngoài.

6. Thu, sử dụng phí và lệ phí đăng kiểm theo quy định hiện hành.

7. Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

8. Hướng dẫn thực hiện Quy định này.

## **Điều 14. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế, cơ sở sản xuất và chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện**

1. Trách nhiệm của cơ sở thiết kế:

a) Tuân thủ quy phạm, quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành.

b) Thực hiện các quy định về hồ sơ thiết kế và thẩm định hồ sơ thiết kế theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm thiết kế do mình thực hiện.

2. Trách nhiệm của cơ sở sản xuất:

a) Tuân thủ các quy trình, quy phạm, quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành khi nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, hoán cải, phục hồi sản phẩm.

b) Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng sản phẩm và đầu tư thiết bị kiểm tra phù hợp với sản xuất; thiết bị kiểm tra phải được kiểm chuẩn định kỳ.

c) Tổ chức kiểm tra chất lượng cho từng sản phẩm và chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm xuất xưởng.

d) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng sản phẩm nhập khẩu.

đ) Chịu sự giám sát về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi

trường của cơ quan đăng kiểm trong quá trình sản xuất.

e) Bảo quản hồ sơ kỹ thuật, chứng chỉ chất lượng, giấy chứng nhận và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Chủ phương tiện, chủ khai thác phương tiện

Chịu trách nhiệm sửa chữa, bảo dưỡng để bảo đảm tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giữa hai kỳ kiểm tra của cơ quan đăng kiểm./.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đào Đình Bình**



**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG KIỂM TRA PHƯƠNG TIỆN**

*(Kèm theo Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)*

**1.1. ĐỐI VỚI ĐẦU MÁY, TOA XE ĐỘNG LỰC, PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG**

| Số thứ tự | Các hạng mục kiểm tra          | Sản xuất, lắp ráp | Nhập khẩu | Định kỳ          | Yêu cầu   |
|-----------|--------------------------------|-------------------|-----------|------------------|---|
| 1         | Vật liệu                       | x                 |           |                  | Phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, hồ sơ kỹ thuật và các tiêu chuẩn hiện hành. |
| 2         | Bố trí lắp đặt chung           | x                 | x         |                  |   |
| 3         | Kích thước giới hạn            | x                 | x         |                  |   |
| 4         | Trọng lượng, tải trọng trục    | x                 | x         |                  |   |
| 5         | Giá xe                         | x                 | x         | x <sup>(*)</sup> |   |
| 6         | Giá chuyển hướng               | x                 | x         | x                |   |
| 7         | Bộ móc nối, đỡ đâm             | x                 | x         | x                |   |
| 8         | Động cơ Diesel                 | x                 | x         | x                |   |
| 9         | Hệ thống điện                  | x                 | x         | x                |   |
| 10        | Hệ thống truyền động           | x                 | x         | x                |   |
| 11        | Hệ thống hãm                   | x                 | x         | x                |   |
| 12        | Hệ thống xả cát                | x                 | x         | x                |   |
| 13        | Đèn pha                        | x                 | x         | x                |   |
| 14        | Còi                            | x                 | x         | x                |   |
| 15        | Các thiết bị an toàn           | x                 | x         | x                |   |
| 16        | Thử nghiệm vận hành            | x                 | x         | x                |   |
| 17        | Các chỉ tiêu bảo vệ môi trường | x                 | x         | x                |   |

Ghi chú:

- Ký hiệu x là: hạng mục kiểm tra
- Ký hiệu x<sup>(\*)</sup> là: hạng mục kiểm tra chỉ áp dụng đối với phương tiện khi kiểm tra định kỳ cấp sửa chữa đại tu.

## 1.2. ĐỐI VỚI TOA XE

| Số thứ tự | Các hạng mục kiểm tra                                   | Sản xuất, lắp ráp | Nhập khẩu | Định kỳ | Yêu cầu   |
|-----------|---|-------------------|-----------|---------|---|
| 1         | Vật liệu  | x                 |           |         | Phù hợp với thiết kế đã được thẩm định, hồ sơ kỹ thuật và tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành |
| 2         | Bố trí lắp đặt chung                                    | x                 | x         |         |   |
| 3         | Kích thước giới hạn                                     | x                 | x         | x       |   |
| 4         | Trọng lượng, tải trọng trục                             | x                 | x         |         |   |
| 5         | Bệ xe, thân xe  | x                 | x         | x       |   |
| 6         | Giá chuyển hướng  | x                 | x         | x       |   |
| 7         | Bộ móc nối, đỡ đấm                                      | x                 | x         | x       |   |
| 8         | Hệ thống hãm  | x                 | x         | x       |   |
| 9         | Các yêu cầu an toàn đối với cửa lên xuống và cửa sổ     | x                 | x         | x       |   |
| 10        | Hệ thống điện   | x                 | x         | x       |   |
| 11        | Hệ thống thông gió và điều hòa không khí                | x                 | x         | x       |   |
| 12        | Trang bị an toàn  | x                 | x         | x       |   |
| 13        | Các yêu cầu về an toàn đối với ghế, giường, giá hành lý | x                 | x         | x       |   |
| 14        | Thử nghiệm kín nước thân xe                             | x                 | x         | x       |   |
| 15        | Thử nghiệm vận hành                                     | x                 | x         |         |   |

Ghi chú:

- Ký hiệu x là: hạng mục kiểm tra.

**Phụ lục 2**

**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN**

*(Kèm theo Quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt)*

**2.1. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO THIẾT KẾ ĐƯỢC THẨM ĐỊNH**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ kết quả thẩm định tại biên bản thẩm định số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Tên thiết kế:

Ký hiệu thiết kế:

Cơ sở thiết kế:

Địa chỉ:

**ĐÃ ĐƯỢC CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM THẨM ĐỊNH**

Nội dung chính của bản thiết kế:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

*(Tùy thuộc vào loại phương tiện, tổng thành)*

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

## 2.2. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

Số:

(Liên số:..... )

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

|  |                       |        |
|--|-----------------------|--------|
| Ký hiệu động cơ:                         | Công suất định mức:   | kW(ml) |
| Số động cơ:                              | Trọng lượng chính bị: | T      |
| Công thức trục:                          | Tải trọng trục:       | T      |
| Kiểu truyền động:                        | Tốc độ lớn nhất:      | km/h   |
| Số chỗ:                                  |                       |        |
| Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:  |                       | m      |
| Khổ đường:                               |                       | mm     |
| Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C): |                       | mm     |

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.

### 2.3. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

#### GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:

(Liên số:..... )

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

#### CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

#### THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại giá chuyển hướng:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại van hãm:

Tự trọng: T

Loại đầu đấm móc nối:

Tải trọng: T

Số chỗ:

Tải trọng trục: T

Loại máy điều hòa không khí:

Công suất nhiệt: BTU

Loại máy phát điện:

Công suất: kVA

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn toa xe ( D x R x C):

mm

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM



## 2.4. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TỔNG THÀNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT  
TỔNG THÀNH SẢN XUẤT, LẮP RÁP SỬ DỤNG CHO ĐẦU MÁY, TOA XE**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại tổng thành:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

(Tùy thuộc vào loại tổng thành)

Loại sản phẩm này đã được kiểm tra và thỏa mãn các yêu cầu về chất lượng và an toàn kỹ thuật hiện hành.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

## 2.5. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY HOÁN CẢI

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT  
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY HOÁN CẢI**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Cơ sở hoán cải:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung hoán cải:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Ký hiệu động cơ:

Công suất định mức:

kW(ml)

Số động cơ:

Trọng lượng chỉnh bị:

T

Công thức trục:

Tải trọng trục:

T

Kiểu truyền động:

Tốc độ lớn nhất:

km/h

Số chỗ:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C):

mm

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

## 2.6. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE HOÁN CẢI

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE HOÁN CẢI**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Cơ sở hoán cải:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung hoán cải:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

|   |                  |      |
|---|------------------|------|
| Loại giá chuyển hướng:                  | Tốc độ lớn nhất: | km/h |
| Loại van hãm:                           | Tự trọng:        | T    |
| Loại đầu đấm móc nối:                   | Tải trọng:       | T    |
| Số chỗ:                                 | Tải trọng trục:  | T    |
| Loại máy điều hòa không khí:            | Công suất nhiệt: | BTU  |
| Loại máy phát điện:                     | Công suất:       | kVA  |
| Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất: |                  | m    |
| Khổ đường:                              |                  | mm   |
| Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C): |                  | mm   |

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

## 2.7. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY NHẬP KHẨU

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐẦU MÁY NHẬP KHẨU**

Số:

(Liên số:..... )

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

#### **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Nước sản xuất:

Tình trạng phương tiện:

Năm sản xuất:

Số tờ khai hàng nhập khẩu:

Tổ chức nhập khẩu:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

#### **THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Ký hiệu động cơ:

Công suất định mức: kW(ml)

Số động cơ:

Trọng lượng chỉnh bị: T

Công thức trục:

Tải trọng trục: T

Kiểu truyền động:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Số chỗ:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khô đường:

mm

Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C):

mm

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

*Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp .v.v....*

**Ghi chú:** Mầu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.

## 2.8. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE NHẬP KHẨU

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT  
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TOA XE NHẬP KHẨU**

Số:

(Liên số:.....)

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Nước sản xuất:

Tình trạng phương tiện:

Năm sản xuất:

Số tờ khai hàng nhập khẩu:

Tổ chức nhập khẩu:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Loại giá chuyển hướng:

Tốc độ lớn nhất:

km/h

Loại van hãm:

Tự trọng:

T

Loại đầu đấm móc nối:

Tải trọng:

T

Số chỗ:

Tải trọng trục:

T

Loại máy điều hòa không khí:

Công suất nhiệt:

BTU

Loại máy phát điện:

Công suất:

kVA

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C):

mm

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

*Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v....*

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.



## 2.9. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO ĐẦU MÁY KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

### GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO ĐẦU MÁY

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

#### CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại đầu máy:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Thời điểm kiểm tra định kỳ:

Năm sản xuất:

Địa điểm kiểm tra:

#### THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

|  |                       |        |
|--|-----------------------|--------|
| Ký hiệu động cơ:                         | Công suất định mức:   | kW(ml) |
| Số động cơ:                              | Trọng lượng chỉnh bị: | T      |
| Công thức trục:                          | Tải trọng trục:       | T      |
| Kiểu truyền động:                        | Tốc độ lớn nhất:      | km/h   |
| Số chỗ:                                  |                       |        |
| Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:  |                       | mm     |
| Khổ đường:                               |                       | mm     |
| Kích thước giới hạn đầu máy (D x R x C): |                       | mm     |

Đầu máy này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

## 2.10. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO TOA XE KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ AN TOÀN KỸ THUẬT**  
**VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO TOA XE**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại toa xe:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Thời điểm kiểm tra định kỳ:

Năm sản xuất:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

|   |                  |      |
|---|------------------|------|
| Loại giá chuyển hướng:                  | Tốc độ lớn nhất: | km/h |
| Loại van hãm:                           | Tự trọng:        | T    |
| Loại đầu đấm móc nối:                   | Tải trọng:       | T    |
| Số chỗ:                                 | Tải trọng trục:  | T    |
| Loại máy điều hòa không khí:            | Công suất nhiệt: | BTU  |
| Loại máy phát điện:                     | Công suất:       | kVA  |
| Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất: |                  | m    |
| Khổ đường:                              |                  | mm   |
| Kích thước giới hạn toa xe (D x R x C): |                  | mm   |

Toa xe này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.

2.11. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO  
PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG SẢN XUẤT, LẮP RÁP

Số:

(Liên số:.....)

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.

Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

Loại phương tiện:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Địa chỉ:

Năm sản xuất:

Địa điểm kiểm tra:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Ký hiệu động cơ

Công suất định mức: kW(ml)

Số động cơ:

Tự trọng: T

Số khung:

Tải trọng: T

Kiểu truyền động:

Tải trọng trục: T

Số chỗ:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại giá chuyển hướng:

Loại van hãm:

Loại móc nối, đỡ đấm:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):

mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....

CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.

## 2.12. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG HOÁN CẢI

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ**  
**MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG HOÁN CẢI**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại phương tiện:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Cơ sở hoán cải:

Năm sản xuất:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

Nội dung hoán cải:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Ký hiệu động cơ

Công suất định mức: kW(ml)

Số động cơ:

Tự trọng: T

Số khung:

Tải trọng: T

Kiểu truyền động:

Tải trọng trục: T

Số chỗ:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại giá chuyển hướng:

Loại van hãm:

Loại móc nối, đỡ đấm:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):

mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**Ghi chú:** Màu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.

2.13. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU**

Số:

(Liên số:.....)

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại phương tiện:

Số hiệu:

Cơ sở sản xuất:

Nước sản xuất:

Tình trạng phương tiện:

Năm sản xuất:

Số tờ khai hàng nhập khẩu:

Tổ chức nhập khẩu:

Địa chỉ:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Ký hiệu động cơ

Công suất định mức: kW(ml)

Số động cơ:

Tự trọng: T

Số khung:

Tải trọng: T

Kiểu truyền động:

Tải trọng trục: T

Số chỗ:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại giá chuyển hướng:

Loại van hãm:

Loại móc nối, đỡ đấm:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):

mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

*Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp v.v..*

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.



**2.14. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẤP CHO  
PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG KIỂM TRA ĐỊNH KỲ**

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA ĐỊNH KỲ AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ  
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CHO PHƯƠNG TIỆN CHUYÊN DÙNG**

Số:

*Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy định kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt.*

*Căn cứ biên bản kiểm tra số:..... ngày:.....*

**CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN**

Loại phương tiện:

Số hiệu:

Cơ sở quản lý phương tiện:

Nước sản xuất:

Thời điểm kiểm tra định kỳ:

Năm sản xuất:

Địa điểm kiểm tra:

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT**

Ký hiệu động cơ

Công suất định mức: kW(ml)

Số động cơ:

Tự trọng: T

Số khung:

Tải trọng: T

Kiểu truyền động:

Tải trọng trục: T

Số chỗ:

Tốc độ lớn nhất: km/h

Loại giá chuyển hướng:

Loại van hãm:

Loại móc nối, đỡ đâm:

Bán kính đường cong thông qua nhỏ nhất:

m

Khổ đường:

mm

Kích thước giới hạn phương tiện (D x R x C):

mm

Phương tiện này thỏa mãn các tiêu chuẩn hiện hành về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến:

*Hà Nội, ngày.... tháng.... năm....*

**CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM**

**Ghi chú:** Mẫu sắc và hoa văn trên Giấy chứng nhận do Cơ quan Đăng kiểm quy định cụ thể.